VỀ MỘT SỐ QUY CHUẨN TẠO HÌNH CỦA TƯỢNG PHẬT GIÁO Ở CÁC CHÙA VIỆT CỔ TRUYỀN

TRIỆU THẾ VIỆT

Đạo Phật Việt Nam đã sớm có định hướng dùng thẩm mỹ làm một "pháp môn" trong tám vạn bốn ngàn pháp môn của Phật giáo. Cũng bởi tính trung dung giữa đời và đạo mà ngôi chùa Việt là không gian thuận lợi cho đời sống tâm tưởng của Phật tử.

Khi bước chân đến chốn Già Lam, qua cánh cửa "u huyền" của tiền đường rồi theo sự "dẫn dắt" như vô tình mà đầy ngụ ý của không gian chùa, đến trước toà thượng điện để rồi thành kính lâng lâng trước tiểu Niết bàn được mở ra giữa cõi thế mênh mang là những bộ tượng Phật giáo vừa quen vừa lạ trên bảo điện.

Thế rồi, bắt đầu cuộc đối thoại thầm lặng trong **TÂM** người chiêm bái. Trước những pho tượng Phật bằng gỗ đá dường như vô tình, dường như mang tính cội nguồn của chân thiện, vời vợi sự linh thiêng, đâu là có, đâu là không... đâu là thế và chẳng phải thế... tự bao đời.

Những pho tượng Phật đâu còn là những đồ thờ đơn thuần, mà đó là niềm tin và khát vọng, là giáo lý vô biên, là hiện thân của Phật, là nghệ thuật tượng Phật giáo, mang bản sắc muôn đời muôn thuở của người Việt.

Nghệ thuật tượng Phật giáo đã đạt đến hoàn thiện bởi những quy chuẩn và niêm luật tạo hình tượng Phật giáo, mà bất cứ một nghệ nhân hay một phường thợ chân chính nào cũng cần nắm bắt được những nguyên tắc đó, từ tư thế, y phục, tướng mạo... và những quy chuẩn này được ghi lại thành văn bản, như: *Đại thừa tạo tượng công đức kinh, Phật thuyết tạo hình tượng kinh, Phật thuyết Vị hình tượng phúc báo kinh...*

Nghệ thuật tượng Phật giáo tuy do các làng nghề, các thợ thủ công đảm nhận, nhưng khi thực hiện lại còn do kinh tế của mỗi chùa, mỗi làng, mỗi thời quy định... song không vì thế mà các tượng Phật giáo ở Bắc Bộ thiếu đi tính thống nhất, mà ngược lại, cha ông ta đã gìn giữ những quy chuẩn tạo tượng, những phương pháp tạo hình đủ đầy, thống nhất và khoa học.

Sau đây chúng tôi xin giới thiệu những quy chuẩn tạo hình tượng Phật giáo đã từng được áp dụng với từng thể loại, chủ đề của tượng Phật giáo Việt.

Quy chuẩn toạ như chung *(Dáng ngồi vững và cân đối như chuông).*

Bao gồm nhiều tư thế ngồi khác nhau nhưng đều lấy chuẩn mực chung nhất là *Toạ như chung.*

Tư thế *Kiết già phu toạ hay còn gọi là Liên hoa toạ (Padmasana)*

Thế ngồi này giúp cho các huyệt đạo, kinh mạch và hệ luân xa trong người được bình hoà nên không mệt mỏi, thân tâm hợp nhất, thần trí vững vàng, khí lực đối lưu, nội ngoại viên thông, vì những ưu việt như vậy nên đây là tư thế phổ

cập trong toạ thiền của nhà Phật.

Tư thế *Hàng ma toạ (Vajraparyanka)*.

Chân phải bắt lên đùi trái, thường gặp ở tượng Thích Ca ngộ đạo với tư thế tay bắt ấn Xúc địa (tượng Phật - Đất chứng giám), hoặc một vị Bồ Tát có chức năng hàng ma, phục quỷ như Quan Âm Chuẩn Đề.

Tư thế *Cát tường toạ (Kichiozazo)*.

Chân trái bắt lên đùi phải, dáng này có ý tuyên bố sự giải thoát viên mãn, là dáng ngồi của Như Lai, còn gọi là Như Lai toạ hay Di Đà đại định, dáng này hay gặp ở các tượng tại vị trí trục dọc, chính giữa Phật điện, như những pho Tam thế, tượng A Di Đà, Thích Ca niêm hoa hay ở phía nhà tổ với các tượng Tổ chùa, thậm chí cả tượng hậu nữa. Hai tư thế trên là biến thể của Liên Hoa toạ. Đến nay chưa tìm thấy tượng Phật nào ở Ấn ngồi với hai tư thế biến thể này, trong khi đó lại thường gặp ở các chùa Bắc Bộ.

Tư thế *Vương giả toạ (Rajalilasana)* chân khoanh tròn, chân kia chống gối.

Tư thế *Thư thái toạ (Lalitasana)* chân khoanh tròn, chân duỗi xuôi xuống.

Hai tư thế này thường gặp ở tượng các Bồ Tát, như Quan Thế Âm, Quan Âm toạ sơn hay tượng Văn Thù Sư Lợi, Đại Hạnh Phổ Hiền, với ngụ ý nói về sự hoan hỷ khi các vị Bồ Tát thực hiện hạnh nguyện hành đạo của mình... ngoài ra còn gọi tên chung là Bồ Tát toạ *(Avalokitesvarasana)*. Nhưng cũng có tượng không phải hàng Bồ Tát vẫn ngồi ở dáng Hàng ma toạ đó là tượng Di Lặc (một vị Phật đã trút bỏ được lục dục thất tình, nhập Niết Bàn và trở thành một vị Phật tổ, đây là vị Phật gắn với thời vị lai (ngụ ý cho tương lai sung mãn, tuyệt diệt ưu phiền). Còn một số tư thế ngồi khá nữa phổ biến ở Trung Hoa, như: Hiền toạ *(ngồi như các vị quan lại ngồi trên ngai); Trần tư toạ*, tư thế ở Nhật như *Kizazo, Kikyakuzo*; tư thế phổ biến ở Ấn Độ mang ảnh hưởng của Ấn giáo như Giao hợp toạ *(Yab - Yum)*, vũ điệu *Ardhaparyanka*... nhưng trong hệ thống tượng Phật giáo chùa Việt ở Bắc Bộ thì hầu như vắng bóng.

Quy chuẩn ngoạ như cung *(Thân hình mềm mại trong dáng nằm nghiêng, tựa như cánh cung)*.

Tượng Tam Thế, chùa Hương Trai (Hoài Đức - Hà Tây - gỗ đầu thế Kỷ 17) - Ảnh: Đạt Thức

Tư thế *Đại Niết bàn ngoạ (Parinirvanasana)* nằm nghiêng bên phải, bàn tay phải đỡ đầu, tay trái để ép sát hông và hai chân duỗi thẳng.

Các hành giả thường dùng tư thế này để ngoạ Thiền bởi tính năng âm dương đối đãi giữa cơ thể người ở vị trí trung cung với bốn phương, tám hướng nhằm tiếp nhận nguồn sinh lực vô biên của vũ trụ. Tư thế này chỉ dành cho tượng Thích Ca nhập Niết bàn, với toàn thân thường dát vàng diễn tả hào quang ở mình Phật lúc đắc đạo *(Thân kim sắc - Thân tỏa ánh vàng ròng)*. Tượng này xuất hiện rất ít ở các chùa Bắc Bộ. Nhưng các chùa Nam Bộ thường thể hiện dáng này ở ngoài trời hoặc trong hang đá với kích thước khá lớn và không có Thị giả.

Quy chuẩn trụ như tùng *(Đứng uy nghi và hùng vĩ như cây Tùng)*.

Tư thế Trụ *(Kayotsarga)* đứng nghiêm trang, hai chân song song với nhau tay chắp trước ngực, tay áo buông rủ đều là các tượng Di Đà thuyết pháp, Tây phương Tam thánh (Quan Thế Âm, Đại Thế chí, A Di Đà), bộ Đông phương Dược sư, (Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát, Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát, Dược Sư Lưu Ly Như Lai Quang Phật), các Tôn giả, Bồ Tát theo Phật làm Thị giả. Dáng chân trước đang như bước tới và tay đưa ra, là tượng Di Đà tiếp dẫn hay đôi khi là tượng Bồ Tát Thị giả, như: Pháp Hoa Lâm, Đại Diệu Tượng, các vị Tổ kế đăng như: A Nan Đà, Ma Ha Ca Diếp, Bà Tu Mật (Chùa Tây Phương - Hà Tây).

Quy chuẩn hành như phong *(đi nhẹ, nhanh như gió thổi, chân bước theo hình chữ nhất, nhịp đi thoải mái không cong khớp gối, lưng thẳng, thân tâm an lạc)*.

Tư thế *Hành (Abhaya)*, tư thế hành thiền, nghĩa là đi trong trạng thái Thiền hoặc đi trong nghi thức nhiễu Phật, hành thiền quanh Cửu phẩm liên hoa hay tháp Phật... ở Đại Hùng bảo điện tượng có tư thế này thường là tượng Thích Ca sơ sinh, là hình dáng bé trai bụ bẫm một tay chỉ trời, một tay chỉ đất hai chân bước đi trên đoá sen trong đài Cửu long. Ngoài ra, các vị Tổ kế đăng hay La Hán ở khu vực hậu đường hay hành lang cũng được thể hiện ở dáng này.

Quy chuẩn về các ấn pháp của tượng Phật giáo

Thế tay trong đạo Phật được hiểu là các ấn pháp có quyền năng siêu việt, những ấn có tác dụng khác nhau, những mục đích khác nhau.

Tư thế *Liên hoa hợp chưởng ấn (Anjali)* là ấn pháp thông thường, tay chắp trước ngực, ngón tay chắp đều đặn có ý nghĩa tán thán công đức Phật viên mãn như bông sen. Thế tay thường gặp trên nhiều tượng, một biểu tượng về Bát chính đạo và công đức vô lượng của thập phương chư Phật.

Tư thế *Di Đà định ấn - Pháp giới định ấn (Amittabha Mudra)* biểu thị cho sự thiền định, gạt bỏ tạp niệm, chiến thắng Ma vương, giữ gìn pháp giới, biểu thị sự giác ngộ viên mãn, là đỉnh cao tột cùng của giác ngộ chân lý Phật pháp, thường có ở A Di Đà, Quan Âm nhiều tay...

Tư thế *Xúc địa ấn* là chạm tay xuống đất biểu thị sự giao cảm với đất mẹ. Đức Thích Ca khi ngộ đạo đã dùng ấn này để báo cho Thổ địa biết sự đắc pháp của mình

Tư thế *Thuyết pháp ấn* là tư thế thường thấy trong tượng Di Đà dùng thuyết pháp hoằng hoá đạo Phật nhằm giải nghiệp ác báo, khai ngộ và đưa chúng sinh cập bờ đại giác (đáo bỉ ngạn).

Ngoài ra còn những ấn có tính chất huyền vi, pháp lực cao siêu mà Mật tông hay dùng, như: *Tiểu nguyệt ấn, Chuẩn Đề ấn, Trí quyền ấn, Thí vô uý ấn, Hàng ma ấn, Kim cương giới Đại Nhật Như Lai ấn, Thai tạng giới Đại Nhật Như Lai ấn...*

Những tư thế ấn này là những dấu hiệu để chúng ta hiểu tượng Phật đang chuyển tải ý nghĩa gì.

Các bảo vật tuỳ thân

Các bảo vật rất đa dạng tuỳ theo từng chức năng của các vị Phật mà mang bảo vật khác nhau, như Đông Phương dược Sư Lưu Ly Như Lai Quang Phật là vị phật chế thuốc cứu bệnh cho chúng sinh nên tay cầm bát thuốc, Quan Âm Nam Hải cầm tịnh bình và cành dương liễu, Thích Ca giơ hoa sen, Quan Âm Chuẩn Đề nhiều tay nâng mặt trăng, mặt trời, cành phan, tràng hạt, ngọc bích, vũ khí hàng ma, kim cương chử... Nguyệt Quang Bồ Tát đỡ hoa sen và vầng trăng khuyết, Nhật Quang dâng hốt báu và mặt trời, Địa Tạng Vương Bồ Tát giữ tích trượng lục khuyên... Các bảo vật cầm theo là biểu tượng cho quyền năng các vị Phật, Bồ Tát, Kim Cương, La Hán, hay các vị Tổ kế đăng.

Y phục của tượng Phật giáo

Đối với tượng Phật A Di Đà, tượng Thích Ca Mâu Ni Phật trang phục thường là Đại y, tiếng Phạn là Tăng Già Lê (Shadha), che kín thân,

nhiều lớp, tà áo chảy dài mềm mại, đầu không đội mũ, tóc xoắn ốc tròn, đỉnh đầu có nhục kế.

Đối với tượng Quan Âm hay hàng Bồ Tát nói chung thường mặc trang phục của quý tộc như áo Thiên y, mũ Bảo quan, đeo anh lạc. Chỉ riêng Địa Tạng Vương Bồ Tát thường mặc Tăng Già Lê, đội mũ Tỳ Lư và Quan Âm Bạch y mặc áo lụa trắng mỏng và kết tóc theo múi, phủ khăn. Ở thế kỷ XVII ít nhiều tượng Quan Âm và Phật được mặc theo trang phục quý tộc đời Lê Trung hưng, áo choàng mỏng, yếm kéo sát ngực, thắt dây ngang yếm và đội "mũ pháp" được tạc giống như vương miện (chùa Bút Tháp - Bắc Ninh), nhưng đến thế kỷ XIX, các Quan Âm mặc Thiên y, đội bảo quan, y phục này có vẻ xa cách với đời hơn, nó gợi cho ta về y phục các tiên nữ xinh xắn ở bích hoạ Trung Hoa (Tượng Quan Âm Tống tử - chùa Trăm Gian - Hà Tây).

Đối với hàng Minh Vương, Kim Cương đại lực sĩ thường đứng theo thế võ uy nghiêm hay cưỡi mãnh thú, mặc giáp trụ khoác chiến bào, mang kính hộ tâm, đeo binh phù, thắt ngọc đới, đội mũ trụ Kim Khôi, có ngù bằng tơ bàng hay tua lông chim trĩ, tay cầm binh khí hoặc ngọc quyết... hiên ngang hộ trì Phật Pháp.

Đối với hàng A La Hán và các vị sư Tổ thì chỉ mặc Tăng y, đầu cạo, trên đỉnh đầu có thể có nhục kế thể hiện trí tuệ siêu việt.

Quy chuẩn về tướng pháp của tượng Phật giáo

Tượng Phật mang dáng vẻ con người, nhưng lại có các tướng phi phàm được hội tụ và đúc kết sâu sắc tính ưu việt của tướng con người, tượng Đức Phật phải có:

Ba mươi hai tướng quý *(Tam thập nhị tướng)*.

Tám mươi tướng tốt *(Bát thập chủng hảo)*.

Đỉnh đầu nhô cao nổi u *(đỉnh kế tướng)* thể hiện trí tuệ minh triết, siêu việt.

Mắt lớn dài, tia nhìn sáng như Kim tinh, là nhãn tạng chư Phật quán chiếu thấu khắp thập phương.

Mũi cao, mặt đầy đặn, má dầy như má sư tử thể hiện chư Phật là bậc có phúc lớn *(Phúc như đẳng luân)*.

Bạch hào phân - giữa trán có con mắt thần chiếu thấu bản thể *(bản thể bất thoái)*.

Tai có thành quách, nở nang, thuỳ tai chảy dài tới vai, mày như trăng non, môi tươi, mọng như quả Tần bà *(quả Cát tường)*, sắc mặt tươi đẹp *(nhan dung thường thiếu bất lão)*...

Giữa hai vai rộng và đầy, ở giữa vai phóng hào quang.

Hai tay quá gối, ngón tay dài và thon,

Thiên phúc luân tướng - lòng bàn chân đều đặn, có đường vân hình bánh xe pháp luân... (*Kinh Duy Ma Cật* - Nxb. Tôn giáo, Đoàn Trung Còn dịch, 2006, tr. 357 - 365).

Những chi tiết khác thường, lấy theo vẻ đẹp của người Việt, như tay ống tơ, cổ cao ba ngấn (Quan Âm Thiên Thủ Thiên Nhãn - chùa Bút Tháp - Bắc Ninh).

Có một vài trường hợp tượng Phật không tuân theo tướng pháp trên là tượng Tuyết Sơn (chùa Tây Phương - Hà Tây) và Nam Việt lịch đại Tổ sư (chùa Bút Tháp - Bắc Ninh).

Đại đa số mặt của tượng Phật có phần nghiêng về chất nữ tính, song dù gương mặt Phật là nam tính, nhưng thường không có râu (ngoại trừ hàng Kim Cương có râu ba chòm, Thổ địa hay Giám trai có râu trắng, tổ Đạt Ma có râu quai nón và Ma Ha Ca Diếp tôn giả có râu cằm).

Nhìn chung, các chi tiết nhỏ nhất cũng được nghiên cứu kỹ lưỡng..., tất cả nhằm mô tả vẻ kỳ vĩ, minh triết và từ bi của Đức Phật và Bồ Tát với vẻ đẹp được cô đọng từ mọi nét đẹp của con người dưới mẫu hình lý tưởng. Nhưng nếu chỉ ở mức độ này thì nghệ thuật chạm khắc tượng Phật mới chỉ dừng lại ở "nghề tạc tượng" mà thôi, nghĩa là mới đi hết nửa con đường của mình. Khi được nâng lên thành nghệ thuật tượng Phật, nghĩa là những nghệ sĩ dân gian đã lấy thân Phật mà ngụ ý về đời người, về niềm đau, khát vọng trong cuộc sống. Song, ở đây chúng tôi cần nhấn mạnh rằng, nghệ thuật tượng Phật giáo ở Việt Nam chưa bao giờ chỉ minh hoạ cho nội dung kinh tạng, mà nó còn là phần hiện của chân lý Phật, dẫn chúng sinh đến với đạo bằng việc đối thoại với tượng Phật để khai ngộ tâm thức bên trong mỗi Phật tử.

Nghệ thuật tượng Phật giáo tiềm ẩn trong mình nhiều giá trị văn hoá của dân tộc, nó tiếp biến những yếu tố phù hợp với văn hoá Việt để đúc kết thành bản sắc riêng và tạo nên những thành tựu mà cho đến nay vẫn chưa có bước kế thừa nào sánh kịp./.

T.T.V